

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2020
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông K’Nghiem

Bà Khuất Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Đàm Văn B, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Bon P, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

(Bà N có mặt, ông B có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà Trần Thị N và ông Đàm Văn B xây dựng gia đình với nhau vào tháng

10/1993, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/10/1993.

Quá trình chung sống vợ chồng ông, bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 1996 thì ông B bỏ đi với người phụ nữ khác từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc với nhau và mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn. Về con chung bà N xác định vợ chồng có hai con chung là Đàm Thị A, sinh ngày 30/10/1993 và Đàm Văn N, sinh ngày 14/11/1996. Hiện nay chị An và anh Ninh đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên bà N không yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung bà N xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra bà N không còn yêu cầu gì.

2. *Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông Đàm Văn B trình bày:* Ông Đàm Văn B và bà Trần Thị N xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng ông, bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 1996 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên ông bỏ đi làm ăn xa. Nay bà N làm đơn ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung ông B xác định vợ chồng có hai con chung là Đàm Thị A, sinh ngày 30/10/1993 và Đàm Văn N, sinh ngày 14/11/1996. Hiện nay chị An và anh Ninh đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông có yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung, ông B xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra ông B không có yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị N. Về con chung, hiện nay chị Đàm Thị A và anh Đàm Văn N đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Đàm Văn B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đàm Văn B theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị N và ông Đàm Văn B xây dựng gia đình với nhau vào tháng 10/1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/10/1993. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên bà N làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà Trần Thị N xác định vợ chồng mâu thuẫn là do ông B ngoại tình và bỏ đi với người phụ nữ khác từ năm 1996 đến nay. Vì vậy, bà giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn trong bản tự khai cũng như biên bản lấy lời khai của ông Đàm Văn B vào ngày 28/7/2020 cũng như trong đơn xin giải quyết vắng mặt ông B cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể cải thiện nên ông B đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng bà N và ông B phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tin tưởng chia sẻ với nhau trong cuộc sống làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng không thể cải thiện được và từ năm 1996 đến nay hai vợ chồng sống ly thân không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hơn nữa, qua kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi ông, bà đã từng chung sống thì được biết nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B ngoại tình và bỏ đi với người phụ nữ khác. Mặc dù thời gian sống ly thân đã lâu nhưng cả bà N và ông B đều không liên lạc với nhau để tìm biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng mà mỗi người đều có cuộc sống riêng. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị N, xử cho bà Trần Thị N và ông Đàm Văn B được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung:* Bà Trần Thị N và ông Đàm Văn B xác định vợ chồng có hai con chung là Đàm Thị A, sinh ngày 30/10/1993 và Đàm Văn N, sinh ngày

14/11/1996, hiện nay chị An và anh Ninh đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và đã lập gia đình nên không đặt ra để xem xét giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của bà N, ông B đối với con.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị N và ông Đàm Văn B xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Bà Trần Thị N và ông Đàm Văn B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc bà Trần Thị N phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị N, xử cho bà Trần Thị N và ông Đàm Văn B được ly hôn.

2. Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị N đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007445 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, bà N đã nộp đủ án phí.

Báo cho bà Trần Thị N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2020), riêng ông Đàm Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án

hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban Tư pháp xã T;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Thúy